

Bản án số: 601/2020/DS-ST  
Ngày: 08-9-2020  
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Lê Hoàng Yến

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Túy Phượng.
2. Ông Huỳnh Văn Phát.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Minh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Bích Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án thụ lý số 319/2020/TLST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2020/QĐXXST-DS ngày 12/8/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam.

Trụ sở: 169 phố G, Phường H, Quận I, Thành phố Hà Nội

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Thái S – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội quận Gò Vấp và quận Phú Nhuận. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Bạch Y. (Vắng mặt)

Cư trú: 140/19A đường B, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Trần Thanh P, ông Trần Phúc T và bà Trần Phương T. (Vắng mặt)

Cùng cư trú: 140/19A Đường B, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 10 tháng 4 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án ông Lê Thái S là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 09/9/2009, bà Nguyễn Thị Bạch Y có làm Giấy đề nghị vay vốn chương trình Học sinh sinh viên với số tiền vay là 25.800.000 đồng; mục đích vay vốn: Chi phí học tập cho sinh viên Trần Phúc T; thời gian vay: 84 tháng; lãi suất: 0.5%/tháng.

Ngày 26/10/2009, Ủy ban nhân dân Phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh đã ký xác nhận về đối tượng và mức cho vay đối với bà Y là 25.800.000 đồng.

Ngày 17/11/2009, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội Gò Vấp và quận Phú Nhuận (sau đây gọi tắt là ngân hàng) đã giải ngân cho bà Nguyễn Thị Bạch Y đợt 1 (học kỳ 1, năm 2009- 2010) với số tiền là 4.300.000 đồng. Ngày 11/5/2010 Ngân hàng giải ngân đợt 2 (học kỳ 2, năm học 2009-2010) với số tiền là 4.300.000 đồng. Tổng dư nợ sau lần giải ngân thứ hai là 8.600.000 đồng. Thời gian cho vay: 72 tháng.

Ngày 21/02/2012, căn cứ vào số tiền dư nợ của hộ vay (chỉ được vay 1 năm học, do hộ gia đình không thuộc trong diện hộ nghèo) và văn bản số 75/NHCS.HCM ngày 07/02/2012 về việc điều chỉnh thời hạn trả nợ của hộ vay Học sinh sinh viên do không nhận đủ hạn mức tín dụng ban đầu, ngân hàng thực hiện điều chỉnh thời hạn trả nợ cuối cùng cho bà Y đến ngày 23/12/2014.

Trong thời gian vay vốn, bà Y đã đề nghị gia hạn nợ (01 lần) để kéo dài thời gian trả nợ thêm 06 tháng do “gia đình gặp khó khăn về tài chính, chưa có tiền trả nợ cho ngân hàng”. Ngân hàng đã đồng ý cho gia hạn thêm 06 tháng, đến ngày 23/06/2015.

Do ngày giao dịch của Phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh cố định vào ngày 18 hàng tháng, nên đến ngày 18/7/2015 Ngân hàng buộc phải chuyển món nợ trên sang nợ quá hạn.

Từ ngày nhận tiền vay đến nay, bà Y không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, lãi cho Ngân hàng, Cán bộ ngân hàng đã cùng với tổ TK&VV, Hội đoàn thể và Khu phố nhiều lần mời bà Y lên phường để giải quyết, nhưng bà Y không phối hợp, khi cả đoàn cùng đến tận nhà động viên, thuyết phục hộ vay nếu quá khó khăn có thể trả dần... cũng không nhận được sự hợp tác của bà.

Để bảo toàn nguồn vốn của Ngân sách Nhà nước, sau khi đã xin ý kiến đồng chí Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân kiêm Trưởng ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội quận Phú Nhuận, được sự thống nhất của Ủy ban nhân dân Phường C, quận D và Ủy ban nhân dân quận D, ngân hàng khởi kiện bà Nguyễn Thị Bạch Y tại Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận để thu hồi số tiền nợ vay trên. Số tiền nợ tính đến ngày 08/9/2020 là: tiền gốc: 8.600.000 đồng, tiền lãi trong hạn: 2.487.107 đồng, tiền lãi quá hạn: 3.453.829; tổng cộng là 14.540.936 đồng.

*Bị đơn là bà Nguyễn Thị Bạch Y, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Trần Thanh P, ông Trần Phúc T và bà Trần Phương T trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa hôm nay đã được Tòa án tổng đạt triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không có lý do.*

*Tại phiên tòa:*

Đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Bạch Y phải thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật cho Ngân hàng số tiền là 14.540.936 đồng (Trong đó nợ gốc còn lại là 8.600.000 đồng, tiền lãi trong hạn: 2.487.107 đồng, tiền lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 3.453.829 đồng).

Bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Trần Thanh P, ông Trần Phúc T và bà Trần Phương T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

[1.1] *Quan hệ tranh chấp:*

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay. Xét đây là tranh chấp phát sinh trong quan hệ hợp đồng cấp tín dụng của nguyên đơn với khách hàng cá nhân thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Căn cứ phúc đáp của Công an Phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh xác định bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ 140/19A Đường B, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh và hiện đang thực tế cư trú tại địa chỉ trên.

Xét, bị đơn hiện đang thực tế cư trú tại Phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] *Thời hiệu khởi kiện:*

Các đương sự không yêu cầu xem xét về thời hiệu khởi kiện. Căn cứ vào khoản 2 Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử không giải quyết về thời hiệu khởi kiện.

[1.4] *Sự có mặt, vắng mặt của đương sự:*

Ngày 11 tháng 8 năm 2020 đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Căn cứ phúc đáp của Công an Phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung tại địa chỉ 140/19A Đường B, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh hiện có 04 nhân khẩu đăng ký hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại đây là: Ông Trần Thanh P, bà Nguyễn Thị Bạch Y, ông Trần Phúc T và bà Trần Phương T. Xét, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đang thực tế cư trú tại địa chỉ 140/19A Đường

B, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh. Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Trần Thanh P, ông Trần Phúc T và bà Trần Phương T.

*[1.5] Việc thu thập chứng cứ:*

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý; giấy triệu tập; thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa; giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, nhưng bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vẫn không nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện và tài liệu, chứng cứ có liên quan đến vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Tại bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, biên bản hòa giải nguyên đơn khẳng định các chứng cứ đã được giao nộp, tiếp cận, công khai trong quá trình giải quyết vụ án. Ngoài những chứng cứ đã thu thập tại hồ sơ, không có chứng cứ nào khác cung cấp cho Tòa án.

*[2] Nội dung:*

*[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc là 8.600.000 đồng.*

Căn cứ Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn thể hiện hộ bà Nguyễn Thị Bạch Y thuộc diện được vay vốn theo Điều 2 và khoản 1 Điều 4 Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 của Thủ tướng chính phủ về chính sách tín dụng đối với học sinh, sinh viên được áp dụng để hỗ trợ cho học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn.

Căn cứ Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn vay theo chương trình cho vay Học sinh sinh viên ngày 09/9/2009 được lập và có chữ ký giữa Ngân hàng chính sách xã hội quận Gò Vấp và bà Nguyễn Thị Bạch Y đủ cơ sở để xác định Ngân hàng phê duyệt cho bà Y vay với hạn mức là 25.800.000 đồng; Lãi suất: 0,5%/tháng; Lãi quá hạn: 130% lãi suất khi cho vay; Trong đó lãi thực trả sau khi được hỗ trợ từ ngày 27/11/2009 đến ngày 26/11/2011 là 0,17%/tháng; Thời hạn cho

vay 84 tháng; Hạn trả nợ cuối cùng là ngày 27/11/2016. Căn cứ vào Điều 407, Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2005 đây là loại hợp đồng theo mẫu được ký kết đúng theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào Sổ vay vốn Mã khách hàng số 4527270234, được lập và có chữ ký giữa Ngân hàng chính sách xã hội quận Gò Vấp và bà Nguyễn Thị Bạch Y thể hiện bà Y là người vay, ông T là người thừa kế và có quan hệ với người vay là con.

Căn cứ Sổ lưu từ rời theo dõi cho vay - thu nợ - dư nợ, mã món vay: 0327070051 thể hiện ngày 27/11/2009 ngân hàng đã giải ngân lần 1 cho bà Y với số tiền 4.300.000 đồng, hạn trả nợ cuối cùng: 27/11/2016, người vay ký nhận nhưng không ghi rõ họ tên. Ngày 11/05/2010, ngân hàng giải ngân lần 2 với số tiền 4.300.000 đồng, tổng dư nợ: 8.600.000 đồng, bà Y không ký nhận trong sổ nhưng tại Giấy đề nghị gia hạn nợ ngày 05/12/2014 bà Y xác nhận hiện bà còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 8.600.000 đồng, đề nghị ngân hàng xem xét cho gia hạn khoản nợ gốc nêu trên đến ngày 23/6/2015, nợ lãi tiền vay trả trước ngày 23/12/2014.

Căn cứ Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 09/9/2009 thể hiện lãi tiền vay được trả định kỳ vào ngày 27 hàng tháng, tuy nhiên từ khi vay nợ bà Y chưa trả bất kỳ khoản tiền nào cho ngân hàng. Tại biên bản làm việc ngày 18/3/2019 với nội dung xác minh và đánh giá khoản nợ của bà Y, buổi làm việc có sự tham gia của chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường C, quận D; đại diện Ngân hàng Chính sách xã hội; bà Nguyễn Thị Bạch Y và ông Trần Phúc T. Bà Y và ông T mặc dù đã vi phạm thời hạn trả nợ nhưng vẫn không hợp tác, không có kế hoạch trả nợ cụ thể, không cam kết ngày trả nợ và cũng không ký tên vào biên bản.

Xét, trong quá trình giải quyết vụ án bà Y đã được Tòa án triệu tập đến để ghi nhận ý kiến, tiến hành thủ tục giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như việc tham gia phiên tòa xét xử giải quyết vụ án với nguyên đơn nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, bà Y đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đồng thời, tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 474, Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005, Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 09/9/2009, Sổ

vay vốn Mã khách hàng số 4527270234, Sổ lưu từ rời theo dõi cho vay - thu nợ - dư nợ, mã món vay: 0327070051, Giấy đề nghị gia hạn nợ ngày 05/12/2014, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc là 8.600.000 đồng có cơ sở chấp nhận.

*[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán nợ lãi trong hạn và quá hạn tính đến ngày 08 tháng 9 năm 2020 và tiền lãi phát sinh từ ngày 09 tháng 9 năm 2020 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất thỏa thuận trong Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn vay theo chương trình cho vay Học sinh sinh viên ngày 09/9/2009.*

Căn cứ Sổ lưu từ rời theo dõi cho vay - thu nợ - dư nợ, mã món vay: 0327070051, Giấy đề nghị gia hạn nợ và Bảng kê tính lãi thể hiện:

- Từ ngày 27/11/2009 đến ngày 26/11/2011 bà Y phải chịu tiền lãi là 177.877 đồng trên số tiền vay đợt 1 là 4.300.000 đồng. Bà Y được áp dụng mức lãi suất hỗ trợ trong hai năm là 0.17%/tháng theo khoản b Điều 2 Hướng dẫn số 1221/NHCS-KT ngày 19/5/2009 về việc thực hiện hỗ trợ lãi suất đối với các khoản vay tại Ngân hàng Chính sách xã hội theo Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 của Thủ tướng chính phủ vì việc giải ngân được phát sinh trong khoảng thời gian từ ngày 01/5/2009 đến ngày 31/12/2009.

- Từ ngày 11/5/2010 đến ngày 26/11/2011, bà Y phải chịu tiền lãi là 404.917 đồng trên số tiền vay đợt 2 là 4.300.000 đồng, lãi suất 0.5%/tháng. Thời điểm này bà Y không được áp dụng mức lãi suất hỗ trợ theo khoản b Điều 2 Hướng dẫn số 1221/NHCS-KT ngày 19/5/2009 của Ngân hàng Chính sách xã hội vì việc giải ngân phát sinh sau ngày 31/12/2009.

- Từ ngày 27/11/2011 đến ngày 18/7/2015, căn cứ văn bản số 75/NHCS.HCM-TH ngày 07/12/2012 về việc điều chỉnh kỳ hạn trả nợ và Giấy đề nghị gia hạn nợ ngày 05/12/2014 được ngân hàng phê duyệt ngày 23/12/2014 có nội dung thời hạn trả nợ cuối cùng của bà Y là ngày 23/6/2015. Tuy nhiên, do ngày giao dịch của Ủy ban nhân dân Phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh cố định vào ngày 18 hàng tháng nên đến ngày 18/7/2015 ngân hàng đã chuyển khoản nợ của bà Y sang nợ quá hạn. Bà Y phải chịu tiền lãi là 1.904.313 đồng trên tổng số tiền vay là 8.600.000 đồng, lãi suất 0.5%/tháng.

- Từ ngày 19/7/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm, do bà Y vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn từ ngày

18 tháng 7 năm 2015 và tiến hành thu hồi nợ vay là đúng theo thỏa thuận của Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 09/9/2009. Bà Y phải chịu tiền lãi là 3.453.829 đồng trên tổng số tiền vay là 8.600.000 đồng, lãi suất 0.65%/tháng.

Xét, theo quy định tại Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005. Mức lãi suất của nguyên đơn thỏa thuận với bị đơn phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Từ những nhận định trên, yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 14.540.936 đồng đồng, trong đó là nợ lãi trong hạn là 2.487.107 đồng, nợ lãi quá hạn là 3.453.829 đồng là có cơ sở chấp nhận. Ngoài ra, bị đơn còn phải chịu tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc từ ngày 09 tháng 9 năm 2020 cho đến khi thanh toán hết nợ.

### *[2.3] Về trách nhiệm liên đới:*

Căn cứ phúc đáp của Ủy ban nhân dân Phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện bà Nguyễn Thị Bạch Y có chồng là ông Trần Thanh P (theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 49 ngày 13/6/1991 do Ủy ban nhân dân Phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh cấp). Bà Y và ông P có con chung là Trần Phương T, sinh năm 2000 (theo Giấy khai sinh số 39 ngày 15/2/2000 do Ủy ban nhân dân Phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh cấp).

Căn cứ phúc đáp của Công an Phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung tại địa chỉ 140/19A Đường B, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh hiện có 04 nhân khẩu đăng ký hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại đây là: Ông Trần Thanh P, bà Nguyễn Thị Bạch Y, ông Trần Phúc T và bà Trần Phương T.

Xét, mặc dù ông Trần Thanh P, ông Trần Phúc T và bà Trần Phương T đã được Tòa án triệu tập đến để ghi nhận ý kiến, tiến hành thủ tục giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như việc tham gia phiên tòa xét xử giải quyết vụ án với nguyên đơn nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, ông Trần Thanh P, ông Trần Phúc T và bà Trần Phương T đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đồng thời, tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không*



*phải chứng minh”*. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời trình bày cũng như chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để làm cơ sở xem xét giải quyết vụ án.

Về trách nhiệm liên đới, hộ gia đình bà Y thuộc đối tượng được vay vốn theo Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 của Thủ tướng chính phủ, tuy nhiên tại Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 09/9/2009, Sổ vay vốn Mã khách hàng số 4527270234, Giấy đề nghị gia hạn nợ ngày 05/12/2014 thể hiện người vay là bà Nguyễn Thị Bạch Y. Tại Đơn khởi kiện nguyên đơn chỉ yêu cầu bà Y có trách nhiệm trả nợ, do đó Hội đồng xét xử không xem xét buộc ông Trần Thanh P, ông Trần Phúc T và bà Trần Phương T có trách nhiệm liên đới trả nợ. Trong trường hợp có chứng cứ chứng minh ông Trần Thanh P, ông Trần Phúc T và bà Trần Phương T có liên quan thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

*[2.4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến việc giải quyết vụ án:*

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền là 14.540.936 đồng, trong đó nợ gốc là 8.600.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 2.487.107 đồng, nợ lãi quá hạn là 3.453.829 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Án phí:

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 727.047 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 407, Điều 471, Điều 474 và Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

*Tuyên xử:*

**1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn – Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam.**

Buộc bà Nguyễn Thị Bạch Y có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam tổng số tiền là 14.540.936 (Mười bốn triệu năm trăm bốn mươi nghìn chín trăm ba mươi sáu đồng). Trong đó nợ gốc là 8.600.000 (Tám triệu sáu trăm nghìn đồng); nợ lãi trong hạn từ ngày 27/11/2009 đến ngày 18/7/2015 là 2.487.107 (Hai triệu bốn trăm tám mươi bảy nghìn một trăm lẻ bảy đồng); nợ lãi quá hạn từ ngày 19/7/2015 đến ngày 08/9/2020 là 3.453.829 (Ba triệu bốn trăm năm mươi ba nghìn tám trăm hai mươi chín đồng) theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 09/9/2009.

Thi hành một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

**2. Án phí dân sự sơ thẩm:**

Bà Nguyễn Thị Bạch Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 727.047 (Bảy trăm hai mươi bảy nghìn không trăm bốn mươi bảy đồng).

Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

**3. Nghĩa vụ thi hành án:**

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 09/9/2009 nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi

hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

**4. Quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Phú Nhuận;
- CC THADS quận Phú Nhuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Lê Hoàng Yến**